TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Hải Châu
2. Bà Lê Thị Luy
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị X, năm sinh 1986
Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố Dìn Phàng, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai .Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lù Chá T, năm sinh 1984
Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố Dìn Phàng, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2023; bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2023; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên dẫn đến vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; đánh nhau. Đến tháng 6/2022 thì mâu thuẫn càng trở nên gay gắt. Ngoài việc cãi nhau về vấn đề tiền bạc, kinh tế thì anh T còn nghi ngờ chị X có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng càng ngày càng chửi nhau nhiều hơn. Tháng 10/2022, anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị X. Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng sau đó anh T đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 08/5/2023 do cãi nhau về việc gửi lãi ngân hàng anh T đã đánh gãy tay chị X, chị X đã làm đơn yêu cầu công an huyện S giải quyết nhưng anh T cầu xin chị X và hứa thay đổi nên chị X đã rút đơn, không đề nghị công an giải quyết nữa. Nhưng sau đó, anh chị vẫn thường xuyên xảy ra việc cãi, chửi nhau. Mặc dù ở chung nhà nhưng anh chị không quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm với nhau từ đầu tháng 6/2023 đến nay. Nay chị X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để đảm bảo cuộc sống riêng của cả hai người.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T chỉ có hai người con chung là cháu Lù Chẩn Đ, sinh ngày 18/7/2006 và cháu Lù Chẩn H, sinh ngày 13/5/2016. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn H cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh Lù Chá T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn Đ cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T đều là lao động tự do; công việc chính của anh chị là may thổ cẩm và buôn bán tại các chợ phiên. Thu nhập của anh chị, mỗi người đều được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Lù Chẩn Đ và cháu Lù Chẩn H một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 cháu. Vì vậy anh chị đều đủ điều kiện nuôi con mà không cần bên nào phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị Vàng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 26/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lù Chá T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù Chá T và chị Vàng Thị X tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; đánh nhau. Đến tháng 6/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Ngoài việc cãi nhau về vấn đề tiền bạc, kinh tế thì anh T còn nghi ngờ chị X có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng càng ngày càng chửi nhau nhiều hơn. Tháng 10/2022, anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với Xuân. Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng sau đó anh T đã rút đơn và

Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên từ đó đến nay, anh chị vẫn thường xuyên xảy ra việc cãi, chửi nhau. Hiện nay mặc dù ở chung nhà nhưng anh chị không quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm với nhau từ đầu tháng 6/2023 đến nay. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị X vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh Lù Chá T và chị Vàng Thị X chỉ có hai người con chung là cháu Lù Chẩn Đ, sinh ngày 18/7/2006 và cháu Lù Chẩn H, sinh ngày 13/5/2016. Nay anh T đồng ý với ý kiến của chị X về nuôi con khi ly hôn; anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn H cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn Đ cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung

Về điều kiện nuôi con: Anh T và chị X đều là lao động tự do; công việc chính của anh chị là may thổ cẩm và buôn bán tại các chợ phiên. Thu nhập của anh T và chị X, mỗi người đều được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Lù Chẩn Đ và cháu Lù Chẩn H một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 cháu. Vì vậy anh chị đều đủ điều kiện nuôi con mà không cần bên nào phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Lù Chá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 26/7/2023 thì cháu Lù Chẩn Đ có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu để bố cháu trực tiếp nuôi dưỡng cháu; cháu Lù Chẩn H có ý kiến, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì cháu ở cùng với bố cháu hoặc với mẹ cháu đều được.

Đối với vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thống nhất được với nhau về nuôi con dưỡng con chung.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Lù Chẩn H cho chị Vàng Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Giao cháu Lù Chẩn Đ cho anh Lù Chá T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Chị X, anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vàng Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Lù Chá T có địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố Dìn Phàng, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đến nay mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị X và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau là không có căn cứ nên không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T chỉ có hai người con chung là cháu Lù Chẩn Đ, sinh ngày 18/7/2006 và cháu Lù Chẩn H, sinh ngày 13/5/2016. Nay chị X và anh T đã thỏa thuận thống nhất để chị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn H cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi; để anh Lù Chá T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Chẩn Đ cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Chị X, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

chung. Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị X và anh T đều là lao động tự do; công việc chính của anh chị là may thổ cẩm và buôn bán tại các chợ phiên. Thu nhập của anh chị, mỗi người đều được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Lù Chẩn Đ và cháu Lù Chẩn H một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 cháu. Vì vậy anh chị đều đủ điều kiện nuôi con mà không cần bên nào phải cấp dưỡng. Xét thỏa thuận của chị X và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đúng với nguyện vọng của cháu Đạt, cháu Huy. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Huy cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đạt cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lù Chẩn H, sinh ngày 13/5/2016 cho chị Vàng Thị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Lù Chẩn H đủ 18 tuổi. Giao con chung cháu Lù Chẩn Đ, sinh ngày 18/7/2006 cho anh Lù Chá T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Lù Chẩn Đ đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị X và anh Lù Chá T, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị X phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002261 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Vàng Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND TT S,
huyện S, tỉnh Lào Cai ;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi